

Án số: 08/2025/DSST-ST

Ngày: 02/4/2025

V/v: Tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thuỳ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Nguyên

Bà Phạm Thị Bích Nguyệt

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Chi – Thư ký
Toà án nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên: Ông
Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên

Ngày 02/4/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 61/2024/TLST- DSST ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N.V .T , sinh năm 1971

Địa chỉ: TDP N , phường L , thành phố S, tỉnh T. (Có mặt)

Bị đơn: Bà H.T.H , sinh năm 1963

Địa chỉ: TDP T , phường B , thành phố S, tỉnh T. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị N.T.Q.T , sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ B, phường L , T phố S, tỉnh T

- Anh T.T.C , sinh năm 2006

Địa chỉ: TDP N , phường L , T phố S, tỉnh T

- Bà T.T.N , sinh năm 1945

Địa chỉ: Tổ 4 T, phường L , T phố S, tỉnh T.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại toà án nguyên đơn ông N.V.T trình bày:***

Vợ ông là bà N.T.D (đã chết tháng 1/2024) đã cho bà H.T.H , sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố T , phường B , T phố S, tỉnh Thái Nguyên vay tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 28/12/2015 số tiền là 70.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 20/01/2016 số tiền là 30.000.000 đồng; Lần 3 vào ngày 12/04/2016 số tiền là 20.000.000 đồng. Đến nay bà Huế chưa trả được khoản nào cho bà D .

Trước khi chết bà D không để lại di chúc. Bố bố đẻ của bà D là Nguyễn Thúc Châu đã chết năm 2011. Sau khi bà D chết gia đình ông gồm có ông, bà T.T.N là mẹ đẻ của bà D , con trai bà D là anh T.T.C , và con gái bà D là chị N.T.Q.T đã họp gia đình và thống nhất uỷ quyền cho ông khởi kiện để đòi bà Huế trả lại số tiền là 120.000.000 đồng mà bà Huế đã vay của bà D . Ông toàn quyền quyết định việc khởi kiện đòi nợ với bà Huế và là người nhận số tiền này.

Nay ông yêu cầu Toà án nhân dân T phố Sông Công buộc bà Huế phải trả ngay cho ông số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng theo 03 giấy vay nợ như trên, ông không yêu cầu tính lãi suất.

**** Tại bản tự khai và tại phiên toà bà H.T.H trình bày:***

Bà có vay của bà N.T.D (vợ ông N.V .T) ba lần, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 28/12/2015 số tiền là 70.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 20/01/2016 số tiền là 30.000.000 đồng; Lần 3 vào ngày 12/04/2016 số tiền là 20.000.000 đồng. Bà có trả lãi đầy đủ cho bà D . Bà khẳng định khoản tiền 120.000.000 đồng bà vay của bà D là do bà tự vay và sử dụng cho việc riêng của bà, ông Khoa là chồng của bà không biết việc này.

Nay bà N.T.D đã chết, ông T là chồng của bà D , khởi kiện ra toà yêu cầu bà trả nợ số tiền 120.000.000 đồng của ba lần vay, bà cũng nhất trí. Do điều kiện kinh tế khó khăn, nên bà đề nghị được trả dần khoản nợ trên.

****Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T.T.N trình bày như sau:***

Bà là mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị D , sinh năm 1973. Bà D đã mất vào ngày 12/01/2024. Khi còn sống bà có biết bà D cho bà H.T.H , sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố T , phường B , T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, vay số tiền là 120.000.000 đồng. Trước khi chết bà D không để lại di chúc. Sau khi bà D chết gia đình bà gồm: có bà, chồng bà D là ông N.V .T , con trai bà D là anh T.T.C , và con gái bà D là chị N.T.Q.T (còn ông Nguyễn Thúc Châu, bố đẻ của bà D đã chết năm 26/8/2011), đã họp gia đình và thống nhất uỷ quyền cho ông T là chồng bà D khởi kiện để đòi bà Huế trả lại số tiền nợ là 120.000.000 đồng mà bà Huế đã vay của bà D . Bà Huế sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho ông T .

Ông T toàn quyền quyết định việc khởi kiện đòi nợ với bà Huế. Nay bà đồng ý cho ông T thực hiện quyền trên và không có đề nghị, hay thắc mắc gì khác.

*** *Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T.T.C, trình bày như sau:***

Anh là con trai của bà N.T.D sinh năm 1973. Bà D đã mất vào ngày 12/01/2024. Khi còn sống, bà D có cho bà H.T.H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, vay số tiền là 120.000.000 đồng. Trước khi chết bà D không để lại di chúc. Sau khi bà D chết gia đình anh gồm có anh, bố anh là ông N.V.T, bà ngoại của anh là T.T.N và chị gái là N.T.Q.T (còn ông Nguyễn Thúc Châu, bố đẻ của bà D đã chết năm 26/8/2011), đã họp gia đình và thống nhất uỷ quyền cho bố anh là ông T khởi kiện để đòi bà Huế trả lại số tiền nợ là 120.000.000 đồng mà bà Huế đã vay của bà D.

Bà Huế sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho ông T. Ông T toàn quyền quyết định việc khởi kiện đòi nợ với bà Huế. Nay anh đồng ý cho ông T thực hiện quyền trên và không có đề nghị, hay thắc mắc gì khác.

*** *Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N.T.Q.T trình bày như sau:***

Chị là con gái của bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973. Chị nhất trí với ý kiến của em trai chị là anh T.T.C và bà ngoại chị là bà T.T.N. Lúc bà D còn sống có cho bà H.T.H vay số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi bà D chết, gia đình chị gồm có chị, bố chị là ông T, em trai chị là anh Công và bà Ngoại của chị là bà Ninh họp và thống nhất uỷ quyền cho bố chị là ông T khởi kiện để đòi bà Huế trả lại số tiền nợ là 120.000.000 đồng mà bà Huế đã vay của bà D. Bà Huế sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho ông T. Ông T toàn quyền quyết định việc khởi kiện đòi nợ với bà Huế. Nay chị đồng ý cho ông T thực hiện quyền trên và không có đề nghị, hay thắc mắc gì khác.

Về tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn xuất trình: 03 bản gốc giấy vay tiền đề ngày 28/12/2015, ngày 20/01/2016 và ngày 12/04/2016; Biên bản họp gia đình, bản sao giấy chứng tử của bà Nguyễn Thị D, bản sao giấy chứng tử của ông Nguyễn Thúc Châu (bố đẻ bà D), bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa ông T và bà D.

Toà án nhân dân T phố Sông Công đã tiến hành thụ lý vụ án và đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự thoả thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn bà H.T.H vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của luật Tố Tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền và quan hệ tranh chấp thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.V .T . Buộc bà H.T.H phải trả cho ông T số tiền là 120.000.000 đồng. Về án phí, ông T được hoàn lại án phí đã nộp, bà Huế là người cao tuổi nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp vay tài sản. Bị đơn bà H.T.H cư trú tại Tổ dân phố T , phường B , T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân T phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt đã có quan điểm trình bày trong hồ sơ vụ án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Toà án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội D : Ông N.V .T cung cấp cho Toà án 03 bản gốc giấy vay tiền đề các ngày như sau: Ngày 28/12/2015 số tiền là 70.000.000 đồng; Ngày 20/01/2016 số tiền là 30.000.000 đồng; Ngày 12/04/2016 số tiền là 20.000.000 đồng, tất cả các giấy vay nợ đều có chữ ký xác nhận của bà H.T.H , không có chữ ký của ông Lê Trọng Khoa. Bà Huế cũng thừa nhận bà có vay của bà N.T.D 3 lần vay như giấy vay tiền mà ông T đã cung cấp cho Toà án tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Do bà D đã chết, ông T cùng các con trong nhà và mẹ đẻ bà D đã họp gia đình và thống nhất, ông T là người đại diện khởi kiện để đòi số tiền mà bà Huế đã nợ bà D .

Đây là sự thật mà các bên đều thừa nhận, nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên không thống nhất được với nhau về phương thức và thời hạn thanh toán nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong các giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp cho Toà án thể hiện bên người vay do bà Huế ký tên, không có chữ ký của ông Khoa, việc bà Huế vay số tiền trên ông Khoa không biết nên xác định đây là khoản nợ của bà Huế. Nay nguyên đơn cũng chỉ khởi kiện yêu cầu bà Huế trả số tiền 120.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ theo các giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn đã có đơn rút yêu cầu tính lãi suất nên Toà án không xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông N.V .T được chấp nhận nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định tuy nhiên bà H.T.H là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, 117, 119, 463, 466, 353, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.V .T đối với bà H.T.H .

Buộc bà H.T.H phải trả cho ông N.V .T số tiền là 120.000.000 đồng
(Một trăm hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà H.T.H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông N.V .T số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000822 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Sông Công.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- THADS TPSC TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thùy Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- THADS TPSC TN;
- UBND nơi ĐKKH;
Xã Tân Quang, TPSC TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Lan Anh

